TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4-VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17-3-2026
V/v tranh chấp ly hôn,

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Nga.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Trọng Khôi.**

2. Ông **Nguyễn Hải Nam.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Kim Liên** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Chị Trương Diễm H1, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 17/9/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc H trình bày: Anh và

chị Trương Diễm H1 quen biết nhau, được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên tổ chức lễ cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V (nay là xã T) tỉnh Vĩnh Long ngày 12/8/2011. Thời gian chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẩn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt, đến tháng 01/2025 vợ chồng ly thân cho đến nay. Anh nhận thấy mâu thuẩn không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn với chị H1.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trương Diễm H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải và gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc H vắng mặt có ý kiến xin vắng mặt.

Bị đơn chị Trương Diễm H1 vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc H vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Trương Diễm H1 vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Ngọc H và chị Trương Diễm H1 thành hôn năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V (nay là xã T) tỉnh Vĩnh Long ngày 12/8/2011 nên xem đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, anh Nguyễn Ngọc H trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẩn do bất đồng quan điểm không còn tiếng nói chung và đã ly thân nhau từ tháng 01/2025. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần nhằm giúp đỡ anh H, chị H1 đoàn tụ nhưng chị H1 vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, chị H1 không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử

xét thấy mâu thuẩn giữa anh H, chị H1 đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc H.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Ngọc H ly hôn với chị Trương Diễm H1.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007404 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, anh H không phải nộp tiếp.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát nhân dân KV4-VL;
- Phòng THA DS Khu vực 4-VL;
-UBND xã Trung Hiệp (GCNKH số 101 quyển số 01 ngày 12/8/2011)
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Nga